

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 233/2024/HS-ST

Ngày: 20/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đăng.

2. Ông Lê Thành Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 227/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Thị N (tên gọi khác Võ Thị N, Tám P), sinh năm 1960, tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; cha là Võ Văn T (đã chết) và mẹ là Nguyễn Thị T (đã chết);

Tiền án:

Ngày 14/9/2007, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử theo Bản án số 79/2007/HSST về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với hành vi thực hiện từ năm 2004 đến năm 2006 với mức hình phạt là 14 năm tù và bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường dân sự cho các bị hại. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị hại kháng cáo về xem xét trách nhiệm dân sự. Bản án này bị hủy theo Bản án số 47/2008/HSPT ngày 17/01/2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13/6/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử lại vụ án theo Bản án số 28/2008/HSST với mức hình phạt cho bị cáo là 15 năm tù và bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường dân sự cho các bị hại. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị hại kháng cáo về việc xem xét trách nhiệm dân sự. Ngày 25/8/2008, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân

dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo Bản án số 953/2008/HSPT với quyết định đình chỉ phần trách nhiệm hình sự do bị cáo rút kháng cáo và hủy phần quyết định về trách nhiệm dân sự. Ngày 15/10/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử lại vụ án theo Bản án số 63/2009/HSST với quyết định buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại. Bị hại kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự. Ngày 08/3/2010, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo Bản án số 71/2010/HSST với quyết định buộc bị cáo phải trả số tiền là 170.000.000 đồng cho ông Nguyễn Chí C, trả số tiền là 75.000.000 đồng cho ông Văn Quang T, trả số tiền là 211.000.000 đồng cho ông Lê Xuân L.

Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/9/2016 và chưa chấp hành án phí hình sự do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương chưa nhận được Bản án số 28/2008/HSST ngày 13/6/2008.

Ông Lê Xuân L và ông Văn Quang T có đơn yêu cầu thi hành án. Bị cáo đã trả cho ông L số tiền là 11.743.810 đồng, còn lại số tiền 199.956.190 thì Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương có Quyết định số 53/QĐ-CTHA ngày 05/9/2012 trả lại đơn yêu cầu cho ông L. Bị cáo đã trả cho ông Văn Quang T số tiền là 4.160.537 đồng, còn lại số tiền là 70.839.463 thì Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương có Quyết định số 53A/QĐ-CTHA ngày 10/9/2012 trả lại đơn yêu cầu cho ông T. Còn ông Nguyễn Chí C thì cho đến nay ông chưa yêu cầu thi hành án.

Tiền sự: Không. Bị cáo ra đầu thú và bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương – có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Võ Thị P, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương – có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Võ Thị T, sinh năm 1958.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị N là đối tượng có một tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi ra tù năm 2016, N sống cùng gia đình tại khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Võ Thị N có mối quan hệ họ hàng với chị em bà Võ Thị T và bà Võ Thị P. Khoảng tháng 4/2022, N được bà T và bà P thuê làm giúp việc nhà và ở lại để chăm sóc mẹ của bà P và bà T tại căn nhà số 39, đường Mường Đào, khu phố 1, phường Mỹ Phước. Đến ngày 19/8/2023, mẹ của bà P và bà T mất, N vẫn được thuê tiếp tục ở lại làm việc.

Trưa ngày 26/11/2023, bà P và bà T tổ chức cúng 100 ngày cho mẹ của mình. Đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, N đi vào trong phòng ngủ của bà P để dọn dẹp và sắp xếp đồ dùng sinh hoạt thì nhìn thấy cửa tủ quần không khóa. N mở tủ ra thì thấy kệ phía trên có để số tiền 20.200.000 đồng của bà P, kệ phía dưới để 01 túi nilon màu đỏ, bên trong có 01 đôi bông tai vàng trắng, trọng lượng 0,52 chỉ, loại 10K; 01 nhẫn vàng đính hạt đá, trọng lượng 1,2 chỉ, loại 18K; 01 mặt dây chuyền bông mai vàng, trọng lượng 02 chỉ, loại 18K; 03 chỉ vàng, loại vàng 18K; 01 chiếc nhẫn vàng đính hạt đá, trọng lượng 03 chỉ, loại 18K; 01 dây chuyền vàng, trọng lượng 14 chỉ, loại vàng 18K; 01 chiếc lắc vàng, trọng lượng 15 chỉ, loại vàng 18K; 21 vòng Ximen vàng, trọng lượng 21 chỉ, loại vàng 18K; 01 chiếc nhẫn có mặt bông mai vàng, trọng lượng 02 chỉ, loại vàng 24K; 01 chiếc nhẫn mặt vuông vàng, trọng lượng 05 chỉ, loại vàng 24K của bà T. Do không có tiền tiêu xài, N đã lén lút lấy trộm tất cả số tiền và vàng trên cất giấu vào trong gối đặt trên giường ngủ của N tại nhà bà T. Đến ngày 27/11/2023, N đem toàn bộ số vàng lấy trộm đi ra bên hông nhà giấu vào cái hồ sát gốc cây chuối, N lấy lá cây khô che lấp lại. Còn số tiền 20.200.000 đồng trộm được, N sử dụng tiêu xài cá nhân.

Vào các ngày 05/12/2023 và ngày 10/12/2023, N lấy 01 chiếc lắc vàng 18K (15 chỉ), 21 vòng simen vàng 18K (21 chỉ), 01 chiếc nhẫn vàng 18K (03 chỉ), 01 dây chuyền vàng 18K (14 chỉ), 01 chiếc nhẫn vàng 24K (02 chỉ), 01 chiếc nhẫn vàng 24K (03 chỉ) và 01 chiếc nhẫn vàng 24K (05 chỉ) đem đến tiệm vàng Kim Thành Nhân Ngọc bán được số tiền hơn 130.000.000 đồng. Tiền có được, N tiêu xài hết.

Đến ngày 15/02/2024, bà P và bà T phát hiện bị mất tiền và vàng cất trong tủ nên gặp N để nói chuyện. N thừa nhận đã lén lút lấy trộm tiền, vàng và cam kết đến ngày 08/3/2024 sẽ trả lại toàn bộ số tiền tương đương số tài sản mà N đã lấy trộm. N chỉ vị trí nơi giấu 01 nhẫn vàng 18K (01 chỉ), 01 mặt dây chuyền vàng 18K (03 chỉ) và 01 đôi bông tai bạch kim cho bà T. Đến ngày 14/3/2024, N không có khả năng hoàn trả tiền cho bà P và bà T nên đến Công an phường Mỹ Phước đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- Một nhẫn kim loại màu vàng 18K (01 chỉ).
- Một mặt dây chuyền kim loại màu vàng 18K (03 chỉ).

- Một đôi bông bằng kim loại màu bạch kim.

Theo Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, kết luận:

- 0,52 chỉ vàng, loại 10K (01 đôi bông tai vàng trắng) trị giá 1.237.600 đồng.
- 1,2 chỉ vàng, loại 18K (01 nhẫn vàng đính hạt đá) trị giá 4.728.000 đồng.
- 02 chỉ vàng, loại 18K (01 mặt dây chuyền bông mai vàng) trị giá 7.880.000 đồng.
- 03 chỉ vàng, loại vàng 18K (01 chiếc nhẫn vàng đính hạt đá) trị giá 11.820.000 đồng.
- 14 chỉ vàng, loại vàng 18K (01 dây chuyền vàng) trị giá 55.160.000 đồng.
- 15 chỉ vàng, loại vàng 18K (01 chiếc lắc vàng) trị giá 59.100.000 đồng.
- 21 chỉ vàng, loại vàng 18K (21 vòng Ximen vàng) trị giá 82.740.000 đồng.
- 02 chỉ vàng, loại vàng 24K (01 chiếc nhẫn có mặt bông mai vàng) trị giá 12.060.000 đồng.
- 05 chỉ vàng, loại vàng 24K (01 chiếc nhẫn mặt vuông vàng) trị giá 30.150.000 đồng.

Tổng giá trị vàng bị chiếm đoạt là 264.875.600 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 233/CT-VKSBC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Võ Thị N mức án tù 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

* Về xử lý vật chứng: Ngày 10/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Cát giao trả 01 mặt dây chuyền hình bông hoa đính hạt đá bằng vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ; 01 nhẫn có đính đá bằng vàng 18K, trọng lượng 1,2 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 10K (vàng trắng), trọng lượng 0,52 chỉ cho bà Võ Thị T.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Ngày 11/7/2024, bà Võ Thị T là chị ruột của Võ Thị N tự nguyện bồi thường cho bà Võ Thị T số tiền 20.000.000 đồng.

- Bà Võ Thị T yêu cầu Võ Thị N bồi thường tiếp số tiền 231.030.000 đồng. Bà Võ Thị P yêu cầu Võ Thị N bồi thường số tiền 20.200.000 đồng. Võ Thị N đồng ý bồi thường nhưng hiện chưa có tiền.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố và bản luận tội của Viện Kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 26/11/2023, N có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 20.200.000 đồng của bà P để trên kệ trong tủ quần áo và 01 đôi bông tai vàng trắng, trọng lượng 0,52 chỉ, loại 10K; 01 nhẫn vàng đính hạt đá, trọng lượng 1,2 chỉ, loại 18K; 01 mặt dây chuyền bông mai vàng, trọng lượng 02 chỉ, loại 18K; 03 chỉ vàng, loại vàng 18K; 01 chiếc nhẫn vàng đính hạt đá, trọng lượng 03 chỉ, loại 18K; 01 dây chuyền vàng, trọng lượng 14 chỉ, loại vàng 18K; 01 chiếc lắc vàng, trọng lượng 15 chỉ, loại vàng 18K; 21 vòng Ximen vàng, trọng lượng 21 chỉ, loại vàng 18K; 01 chiếc nhẫn có mặt bông mai vàng, trọng lượng 02 chỉ, loại vàng 24K; 01 chiếc nhẫn mặt vuông vàng, trọng lượng 05 chỉ, loại vàng 24K của bà T để trong túi màu đỏ, trên kệ, trong tủ quần áo.

Theo Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận:

- 0,52 chỉ vàng, loại 10K (01 đôi bông tai vàng trắng) trị giá 1.237.600 đồng.

- 1,2 chỉ vàng, loại 18K (01 nhẫn vàng đính hạt đá) trị giá 4.728.000 đồng.

- 02 chỉ vàng, loại 18K (01 mặt dây chuyền bông mai vàng) trị giá 7.880.000 đồng.

- 03 chỉ vàng, loại vàng 18K (01 chiếc nhẫn vàng đính hạt đá) trị giá 11.820.000 đồng.
- 14 chỉ vàng, loại vàng 18K (01 dây chuyền vàng) trị giá 55.160.000 đồng.
- 15 chỉ vàng, loại vàng 18K (01 chiếc lắc vàng) trị giá 59.100.000 đồng.
- 21 chỉ vàng, loại vàng 18K (21 vòng Ximen vàng) trị giá 82.740.000 đồng.
- 02 chỉ vàng, loại vàng 24K (01 chiếc nhẫn có mặt bông mai vàng) trị giá 12.060.000 đồng.
- 05 chỉ vàng, loại vàng 24K (01 chiếc nhẫn mặt vuông vàng) trị giá 30.150.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bà P và bà T là 285.075.600 đồng.

Như vậy, Cáo trạng số 233/CT-VKSBC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Võ Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật nhưng vì lòng tham lam tư lợi nên bị cáo đã cố tình thực hiện. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tình tiết tái phạm nguy hiểm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú, bị cáo tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại, bị hại Phụng có yêu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 231.030.000 đồng cho bà T và bồi thường số tiền là 20.200.000 đồng cho bà P. Xét, đây là giá trị của những tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được. Do đó, đối với các yêu cầu bồi thường trên của bà P và bà T, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp nên được Hội

đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Thị N 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2024.

2. Về vật chứng: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Võ Thị N bồi thường cho bà Võ Thị T số tiền là 231.030.000 đồng (hai trăm ba mươi một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng); bồi thường cho bà Võ Thị P số tiền là 20.200.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Võ Thị T và bà Võ Thị P cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Công an thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Nhà tạm giữ CA thành phố Bến Cát;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Ngọc Hoàng An